TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày 15 - 3 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Vĩnh
Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1958 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn*:
1. Bà Nguyễn Hằng N, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
2. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Bà làm chủ hụi có mở các dây hụi, bà Nguyễn Hằng N tham gia chơi hụi và còn thiếu bà tiền hụi như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 06/5/2018 (âm lịch), mỗi chưng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có tổng số 21 chưng, bà N tham gia 01 chưng. Đến ngày 06/11/2018 (âm lịch), bà N hốt chưng hụi này với số tiền 29.340.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà N không đóng hụi là 14 tháng x 2.000.000 đồng = 28.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 06/5/2018 (âm lịch), mỗi chưng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có tổng số 27 chưng, bà N tham gia 01 chưng. Đến ngày 06/12/2018 (âm lịch), bà N hốt chưng hụi này với số tiền 16.500.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà N không đóng hụi là 19 tháng x 1.000.000 đồng = 19.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Mở ngày 10/8/2017 (âm lịch), mỗi chưng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có tổng số 31 chưng, bà N tham gia 01 chưng. Đến ngày 10/10/2017 (âm lịch), bà N hốt chưng hụi này với số tiền 20.050.000 đồng. Chưng hụi này bà N đóng hụi được 18 tháng, bà N không đóng hụi là 13 tháng x 1.000.000 đồng = 13.000.000 đồng.

Dây thứ tư: Mở ngày 15/5/2017 (âm lịch), mỗi chưng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có tổng số 33 chưng, bà N tham gia 01 chưng. Sau đó bà N hốt chưng hụi này với số tiền 23.340.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà N không đóng hụi là 12 tháng x 1.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

Dây thứ năm: Mở ngày 22/10/2017 (âm lịch), mỗi chưng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có tổng số 33 chưng, bà N tham gia 01 chưng. Đến ngày 22/11/2017 (âm lịch), bà N hốt chưng hụi này với số tiền 20.400.000 đồng. Chưng hụi này bà N đóng hụi đến tháng 01/2019 (âm lịch), bà N không đóng hụi là 17 tháng x 1.000.000 đồng = 17.000.000 đồng.

Dây thứ sáu: Mở ngày 24/01/2018 (âm lịch), mỗi chưng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có tổng số 28 chưng, bà N tham gia 01 chưng. Đến ngày 24/4/2018 (âm lịch), bà N hốt chưng hụi này với số tiền 17.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà N không đóng hụi là 15 tháng x 1.000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

Dây thứ bảy: Mở ngày 26/7/2018 (âm lịch), mỗi chưng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có tổng số 26 chưng, bà N tham gia 01 chưng. Đến ngày 26/11/2018 (âm lịch), bà N hốt chưng hụi này với số tiền 15.470.000 đồng. Chưng hụi này bà N đóng hụi đến ngày 26/01/2019 (âm lịch), bà N không đóng hụi là 19 tháng x 1.000.000 đồng = 19.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà N và ông L (chồng bà N trước đây) trả số tiền hụi còn thiếu tổng cộng 120.000.000 đồng (tính tròn) và trả lãi tiền hụi chậm trả từ thời điểm mãn hụi đến nay là 22 tháng với mức lãi 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Hằng N và ông Huỳnh Văn L vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà N và ông L.

[2] Về nội dung khởi kiện của bà L: Bà L cho rằng bà làm chủ hụi, bà N tham gia chơi hụi, bà N còn thiếu bà tiền hụi như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 06/5/2018 (âm lịch), bà N còn thiếu 14 tháng x 2.000.000 đồng/chưng = 28.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 06/5/2018 (âm lịch), bà N còn thiếu 19 tháng x 1.000.000 đồng/chưng = 19.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Mở ngày 10/8/2017 (âm lịch), bà N còn thiếu 13 tháng x 1.000.000 đồng/chưng = 13.000.000 đồng.

Dây thứ tư: Mở ngày 15/5/2017 (âm lịch), bà N còn thiếu 12 tháng x 1.000.000 đồng/chưng = 12.000.000 đồng.

Dây thứ năm: Mở ngày 22/10/2017 (âm lịch), bà N còn thiếu 17 tháng x 1.000.000 đồng/chưng = 17.000.000 đồng.

Dây thứ sáu: Mở ngày 24/01/2018 (âm lịch), bà N còn thiếu 15 tháng x 1.000.000 đồng/chưng = 15.000.000 đồng.

Dây thứ bảy: Mở ngày 26/7/2018 (âm lịch), bà N còn thiếu 19 tháng x 1.000.000 đồng/chưng = 19.000.000 đồng.

Tổng cộng các chưng hụi nói trên bà N và ông L (chồng bà N trước đây) còn thiếu bà L với số tiền 123.000.000 đồng, bà L chỉ yêu cầu bà N và ông L trả với số tiền 120.000.000 đồng

[3] Về giao dịch hợp đồng góp hụi, số tiền hụi bà N và ông L còn thiếu như bà L trình bày là thực tế có diễn ra, điều này phù hợp với các danh sách hụi bà L cung cấp có tại hồ sơ, cũng như đơn yêu cầu ly hôn và bản tự khai của bà N và ông L khi hai người ly hôn đã xác định như đơn khởi kiện ly hôn của bà N ngày 12/7/2017, bản tự khai của bà N ngày 12/7/2017 và đơn yêu cầu của ông L ngày 29/7/2019. Tại đơn yêu cầu và bản tự khai nói trên bà N và ông L đều đã xác định có nợ bà L số tiền 120.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà N và ông L cũng không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của bà L. Kể từ khi mãn hụi đến nay phía bà N và ông L chưa đóng đủ tiền hụi tại các chưng hụi đã hốt cho bà L nên bà L khởi kiện yêu cầu bà N và ông L trả tiền hụi còn thiếu tổng cộng 120.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Số tiền hụi này có trong thời kỳ hôn nhân của bà N và ông L nên hai người phải có nghĩa vụ trả cho bà L, hiện tại bà N và ông L đã ly hôn nên phân chia mỗi người phải trả ½ số tiền hụi cho bà L với số tiền 60.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất tiền hụi chậm trả: Sau khi hốt hụi hàng tháng bà N và ông L không đóng đầy đủ các chưng hụi đã hốt theo thỏa thuận nên bà L yêu cầu bà N và ông L trả lãi tiền hụi chậm trả từ thời điểm mãn hụi đến thời điểm khởi kiện tương ứng 22 tháng với mức lãi 10%/năm là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể lãi suất tiền hụi chậm trả như sau: Tiền hụi thiếu 120.000.000 đồng x 10%/năm x 22 tháng (tính tròn kể từ ngày mãn hụi đến nay) = 22.000.000 đồng. Bà N và ông L mỗi người phải trả ½ tiền lãi cho bà L với số tiền 11.000.000 đồng.

[5] Tổng cộng tiền hụi còn thiếu và lãi suất tiền hụi chậm trả bà N và ông L mỗi người phải cho bà L với số tiền 71.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Do khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà N và ông L phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ, bà N và ông L mỗi người phải chịu án phí 3.550.000 đồng. Bà L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với bà Nguyễn Hằng N và ông Huỳnh Văn L.

Buộc bà Nguyễn Hằng N và ông Huỳnh Văn L mỗi người phải có nghĩa vụ trả tiền hụi còn thiếu và lãi suất tiền hụi chậm trả cho bà Ngô Thị L với số tiền 71.000.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Ngô Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Hằng N và ông Huỳnh Văn L chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự có giá ngạch bà Nguyễn Hằng N và ông Huỳnh Văn L mỗi người phải chịu 3.550.000 đồng (Ba triệu năm trăm năm chục ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Ngô Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Hằng N và ông Huỳnh Văn L vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Việt